

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HẢI CHÂU  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

*Bản án số: 70/2020/DS- ST*

*Ngày 10 - 12 - 2020*

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**- Ông Huỳnh Thanh Trà**

**- Ông Huỳnh Tiến**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đình Vui** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ly Na** – Chức vụ: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 136/2020/TLST – DS ngày 30 tháng 06 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXX-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (Eximbank)** - Trụ sở tại tại: Tầng 8 Tòa nhà Vincom Center số 72 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 259 -261 đường Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Chí T** – Trưởng phòng khách hàng cá nhân. Theo văn bản ủy quyền số 214/2018/EIBHIV/UQ-GĐ ngày 28/12/2018. Có mặt.

**\* Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T** – Sinh năm: 1974 – Địa chỉ: 248 đường Trưng Nữ Vương, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại bản trình bày và tại phiên tòa ông Nguyễn Chí T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X ( Eximbank) trình bày:

Ngày 23/12/2010, Ngân hàng TMCP X ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với ông Nguyễn Hữu T theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng. Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard cho ông Nguyễn Hữu T, số thẻ MS857411 theo giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 29/01/2011 và ngày 16/01/2013. Quá trình sử dụng thẻ, ông T đã không trả số tiền thanh toán tối thiểu đúng hạn từ tháng 12/2013 đến nay, vi phạm quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, yêu cầu ông T thanh toán nợ nhưng đến nay ông T vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 20/5/2020, ông Nguyễn Hữu T còn nợ Ngân hàng số tiền 1.194.298.877đ, trong đó số dư kỳ trước là 1.121.339.018đ, phí trễ hạn là 44.853.561đ, phí vượt hạn mức là 1.544.298 đồng, lãi 26.562.000đ.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Hữu T tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2020 là 1.194.298.877đ.

Lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 21/5/2020 cho đến khi ông Nguyễn Hữu T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Ngày 23/11/2020, Ngân hàng TMCP X đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể rút yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Hữu T thanh toán phần nợ lãi và phí, phạt cộng dồn tính đến ngày 20/5/2020 là 1.142.919.199đ.

Ngân hàng chỉ đề nghị Tòa án buộc ông T thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/12/2020 là 55.099.987đ, cụ thể nợ gốc là 15.520.686đ, lãi trong hạn là 26.386.201đ, lãi quá hạn là 13.193.100đ.

Lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 11/12/2020 cho đến khi ông Nguyễn Hữu T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Hữu T nhưng ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng không đến Tòa tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa lần thứ hai ông Nguyễn Hữu T vắng mặt không có lý do.

### **Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

**- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**- Về quan điểm giải quyết vụ án:**

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết. Ông Nguyễn Hữu T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó cần căn cứ các Điều 471, 474 BLDS năm 2005 nay là Điều 463, 466 BLDS năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X, buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/12/2020 là 55.099.987 đồng, trong đó nợ gốc là 15.520.686 đồng, lãi trong hạn là 26.386.201 đồng, lãi quá hạn là 13.193.100 đồng.

Lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 11/12/2020 cho đến khi ông Nguyễn Hữu T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

**[A] Về thủ tục tố tụng:**

Tranh chấp về Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 23/12/2010 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo khoản 3 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cũng như quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Hữu T nhưng tại phiên tòa lần hai ông T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

**[B] Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP X buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 20/5/2020 là 1.194.298.877đ ( Một tỷ một trăm chín mươi tư ngàn hai trăm chín mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó số dư kỳ trước là 1.121.339.018đ, phí trễ hạn là 44.853.561đ, phí vượt hạn mức là 1.544.298 đồng, lãi 26.562.000đ thì thấy:

[1.1] Ngày 23/12/2010, Ngân hàng TMCP X và ông Nguyễn Hữu T đã ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng. Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard cho ông Nguyễn Hữu T, số thẻ MS857411 theo giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 29/01/2011 và ngày 16/01/2013.

Quá trình sử dụng thẻ, ông T đã không trả số tiền thanh toán tối thiểu đúng hạn từ tháng 12/2013 đến nay, như vậy, ông T đã vi phạm quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dù Ngân

hàng đã nhiều lần gửi thông báo, yêu cầu ông T thanh toán nợ nhưng đến nay ông T vẫn không thanh toán.

Ngày 23/11/2020, Ngân hàng TMCP X đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Hữu T với số tiền được cộng dồn tính đến ngày 20/5/2020 là 1.142.919.199đ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X là hoàn T tự nguyện nên cần được chấp nhận.

Do vậy, Ngân hàng TMCP X đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 10/12/2020 là 55.099.987đ ( Năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi chín ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc là 15.520.686đ, lãi trong hạn là 26.386.201đ, lãi quá hạn là 13.193.100đ và lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 11/12/2020 cho đến khi ông Nguyễn Hữu T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là có cơ sở nên được chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 BLDS và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Do chấp nhận T bộ yêu cầu của Nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hữu T phải chịu theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là  $55.099.987 \times 5\% = 2.754.999đ$

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận

Vì các lẽ trên quyết định.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.
- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật tín dụng
- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với ông Nguyễn Hữu T.

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 10/12/2020 là 55.099.987đ ( Năm mươi lăm triệu không trăm chín mươi chín ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc là 15.520.686đ, lãi trong hạn là 26.386.201đ, lãi quá hạn là 13.193.100đ.

Lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 11/12/2020 cho đến khi ông Nguyễn Hữu T thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu là 2.754.999đ ( Hai triệu bảy trăm năm mươi tư ngàn chín trăm chín mươi chín đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.857.471đ theo biên lai số 0009243 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu-TP Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được hoặc niêm yết trích sao bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Ba**

